

Bản tin chứng khoán

Trong số này

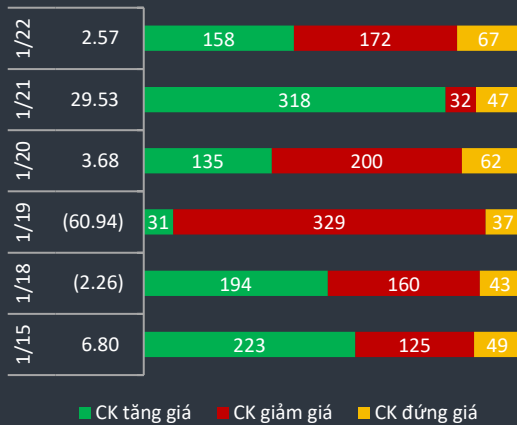
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

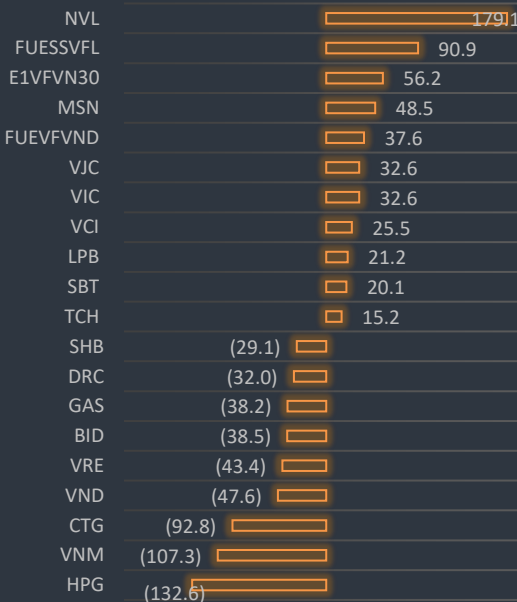
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

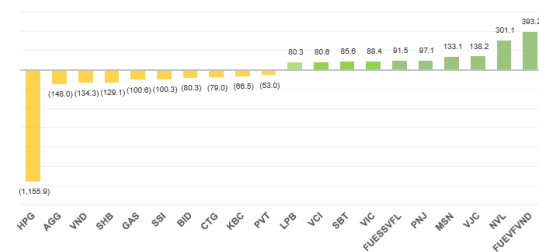


Thị trường phiên cuối tuần dao động với biên độ hẹp và đóng cửa xanh nhẹ 2.5 điểm. Nhóm cổ phiếu blue chip hầu như đi ngang và chỉ có vài cổ phiếu nổi bật như BCM, NVL, PDR và VJC. Nhóm ngân hàng có EIB, CTG, LPB, và HDB tăng tốt nhất nhưng chỉ khoảng 1.5% trong khi BID, SHB, TPB giảm trên 2%.

Về tin kết quả kinh doanh thì GAS vừa công bố báo cáo tài chính quý 4/2020 với doanh thu đạt 15.524,7 tỷ đồng giảm 10,4% so với cùng kỳ, giá vốn hàng bán giảm không đáng kể nên lợi nhuận gộp chỉ đạt 2.620 tỷ đồng giảm gần 32% so với quý 4/2019. Lưu ý năm 2020, GAS ghi nhận doanh thu đạt 64.150 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 7.928 tỷ đồng, lần lượt giảm 14,5% và 34,4% so với thực hiện trong năm 2019. Được biết, trong năm 2020, GAS đặt kế hoạch tổng doanh thu là 66.163,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 6.636 tỷ đồng. Theo đó kết thúc năm 2020, GAS chưa hoàn thành mục tiêu về doanh thu nhưng vẫn vượt gần 20% mục tiêu về lợi nhuận.

Công ty dệt may Thành Công ghi nhận doanh thu thuần 752 tỷ đồng trong quý 4/2020, giảm 12% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp vẫn giữ được ở mức trên 143 tỷ đồng. Trong cả năm 2020, TCM thu về 3.470 tỷ đồng doanh thu, giảm 5%; lợi nhuận sau thuế 276 tỷ đồng, tăng 27%. Đóng góp chính từ việc cải thiện biên lãi gộp, từ 16% lên 18%. Khoảng 84% doanh thu của Thành Công đến từ xuất khẩu, tương ứng đem về hơn 2.900 tỷ đồng. Giá TCM hiện đã phá đỉnh 81 tăng mạnh so với vùng giá 18 hồi năm ngoái.

Khối ngoại trong ngày bán ròng nhẹ 53 tỷ đồng. Tính chung cả tuần khối ngoại bán ròng tổng cộng 500 tỷ đồng. HPG bán ròng nhiều nhất hơn 1,155 tỷ. Phía mua ròng ghi nhận các mã NVL, VJC, MSN, PNJ và VIC.



Vnindex 1,166.78

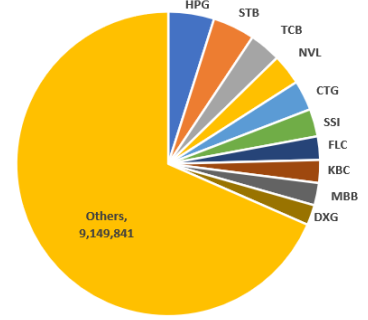
▲ +2.57 (+0.22%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BCM	56.7	3,700	6.98
NVL	79.0	3,100	4.08
PDR	55.4	2,000	3.75
VJC	133.8	2,800	2.14
FPT	66.9	1,300	1.98
MSN	93.3	1,800	1.97
PNJ	84.0	1,600	1.94
MWG	127.2	2,200	1.76
CTG	37.6	600	1.62
HDB	26.1	300	1.16
REE	54.1	500	0.93
VPB	36.5	300	0.83
VRE	36.9	300	0.82
GVR	32.1	250	0.78
VHM	99.3	300	0.30
TCB	36.3	100	0.28
VIB	34.2	50	0.15
VCB	103.0	-	-
POW	14.4	-	-
SAB	194.0	-	-
VIC	105.0	(100)	(0.10)
STB	20.0	(50)	(0.25)
DHG	104.6	(800)	(0.76)
MBB	25.6	(200)	(0.78)
HVN	29.2	(250)	(0.85)
GAS	86.6	(900)	(1.03)
ACB	28.7	(300)	(1.04)
PLX	54.3	(600)	(1.09)
HPG	43.7	(550)	(1.24)
VNM	108.7	(1,600)	(1.45)
BVH	64.7	(1,000)	(1.52)
SSI	33.8	(800)	(2.32)
BID	45.3	(1,250)	(2.69)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Thị trường gần như đã lấy lại sự cân bằng sau phiên chấn động ngày 19.1. Trong vài phiên vừa qua dòng tiền có xu hướng chảy vào nhiều nhóm cổ phiếu penny như FLC, ROS, HQC, DLG ... Thị trường đang ở giai đoạn giao dịch rất nóng với dòng tiền dồi dào từ các nhà đầu tư mới lẫn cũ đổ ồ ạt vào từng ngày. Vì vậy không có gì ngạc nhiên khi những cổ phiếu thị giá thấp có độ đòn bẩy cao trở thành món hàng yêu thích của giới đầu cơ ngắn hạn. Trong bối cảnh thị trường hiện tại thì việc đầu tư những cổ phiếu đầu cơ cũng là một điểm đến hấp dẫn trong danh mục đầu tư. Điều cần lưu ý chỉ là không nên bỏ tất cả vào một giỏ danh mục đầu tư mà nên phân tán nhiều hơn và đầu tư ở một tỷ trọng nhất định.

Biên độ giao động của Vnindex có thể ngắn và thị trường sẽ phân hóa nhiều hơn. Xu hướng chung thị trường đang tích cực và lạc quan vì vậy các nhịp điều chỉnh sẽ là cơ hội để nhà đầu tư tích lũy cổ phiếu.

Cổ phiếu quan tâm:

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Lãi / Lỗ	Ngày đưa vào DM
PNJ	84.0	1.80	65	85	Mua quanh 70-72. Mục tiêu 80-85	15.1%	11/11/2020
VCB	103.0	(0.20)	80	110	Nằm giữ	24.2%	10/28/2020
HPG	43.7	(1.90)	28	50	Nằm giữ	42.8%	10/28/2020
HBC	16.7	(2.30)	12.5	18	Mua quanh 14. Mục tiêu 18	30.5%	11/29/2020
MWG	127.2	(0.50)	90	130	Mua quanh 110-115. Mục tiêu 130	9.7%	12/25/2020
PHR	65.9	(6.30)	50	70	Nằm giữ.	22.0%	10/30/2020
D2D	59.0	(7.50)	50	70	Mua quanh 55. Mục tiêu 70	7.3%	12/7/2020
FPT	66.9	0.50	46	70	Mua quanh 50-51. Mục tiêu 70	31.4%	10/28/2020
HSG	26.5	4.70	14	27	Nằm giữ. Mục tiêu nâng lên 27	79.1%	10/28/2020
STB	20.0	(5.50)	11	22	Mua quanh 12.5-13. Nâng mục tiêu 22	49.3%	10/30/2020
GVR	32.1	(0.90)	11.5	35	Nằm giữ	137.8%	10/28/2020
DXG	20.0	14.90	11	22	Mua quanh 12 Mục tiêu 22	55.0%	11/6/2020

(**bhs** 03 0 Với các vị thế chạm mục tiêu ngắn hạn, nhà đầu tư nếu kỳ vọng có thể tiếp tục nắm giữ hoặc hiện thực hóa lợi nhuận ½)

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

SAM	6.83
TCR	6.85
TGG	6.86
SRC	6.87
CIG	6.91
KBC	6.91
TDG	6.92
VOS	6.92
VID	6.92
PXT	6.93
FLC	6.93
DRC	6.95
DXG	6.95
VGC	6.96
RIC	6.96
KHP	6.99
BMC	7.00
ROS	7.00
DIC	9.09
HTT	10.67
LMH	14.90

Top tăng giá HNX

BII	8.77
PPE	8.93
LHC	8.94
ASA	9.09
KHB	9.09
VIG	9.09
HBS	9.52
HTP	9.77
NRC	9.78
PDB	9.88
HHG	10.00
ART	10.00
KKC	10.00
TNG	10.00
PVE	11.11
ALV	11.35
PVX	12.91
NDF	16.67
NHP	16.67
SGO	20.00
SPP	20.00

PNJ - CTCP Vàng bạc đá quý Phú Nhuận - Đã công bố Báo cáo tài chính quý IV/2020 với doanh thu thuần tăng 10% lên 5.843 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế tăng 10% lên 427 tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2020, PNJ đạt doanh thu thuần hơn 17.500 tỷ đồng, tăng 3% so với thực hiện năm 2019, nhưng lợi nhuận sau thuế giảm 10% xuống còn 1.069 tỷ đồng.

DGW - CTCP Thế giới Số - Quý IV/2020, Digiworld ghi nhận doanh thu thuần hơn 4.017 tỷ đồng, tăng trưởng 60,68% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế 85,14 tỷ đồng, tăng 67,37% so với cùng kỳ.

Lũy kế năm 2020, tổng doanh thu thuần DGW đạt 12.535 tỷ đồng, tăng trưởng 48% so với năm trước và hoàn thành 123% kế hoạch cả năm; lợi nhuận sau thuế đạt 253 tỷ đồng, tăng trưởng 56% và đạt 125% kế hoạch năm.

VIB - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Báo lãi trước và sau thuế năm 2020 tăng 42% so với năm trước, ghi nhận gần 5.801 tỷ đồng và 4.641 tỷ đồng, vượt 29% kế hoạch năm đã đề ra.

LPB - Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - LienVietPostBank báo lãi trước thuế năm 2020 tăng 19% và 16% so với năm trước, ghi nhận 2.427 tỷ đồng và 1.862 tỷ đồng, vượt kế hoạch năm.

DPM - Tổng CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Ngày 25/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 26/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 7%, thanh toán bắt đầu từ ngày 19/2/2021

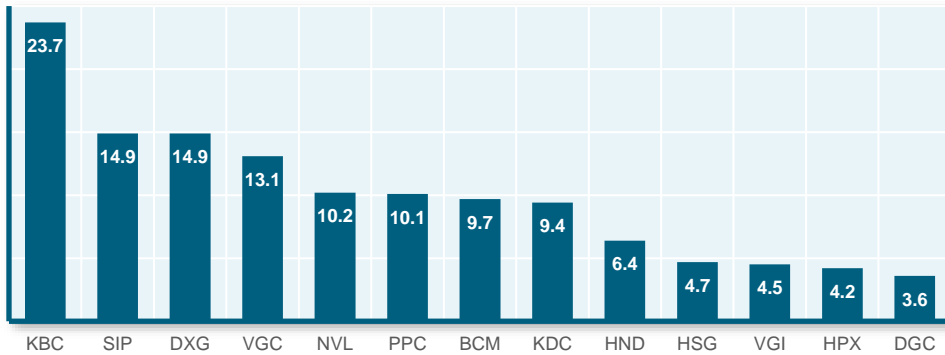
LIX - CTCP Bột giặt LIX - Đã thông báo kết quả kinh doanh quý IV/2020 với doanh thu 683 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 90,7 tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2020, LIX đạt 2.902 tỷ đồng doanh thu và 292,4 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Trong quý I/2021, LIX đạt mục tiêu doanh thu 670 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 50 tỷ đồng.

CAV - CTCP Dây cáp điện Việt Nam - Ngày 25/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 26/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 30%, thanh toán bắt đầu từ ngày 05/2/2021

VCS - CTCP Vicostone - Ngày 26/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ phiếu thưởng từ nguồn cổ phiếu quỹ, ngày đăng ký cuối cùng là 27/1. Theo đó, cổ phiếu thưởng được chia theo tỷ lệ 3,09:100 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 3,09 cổ phiếu mới).

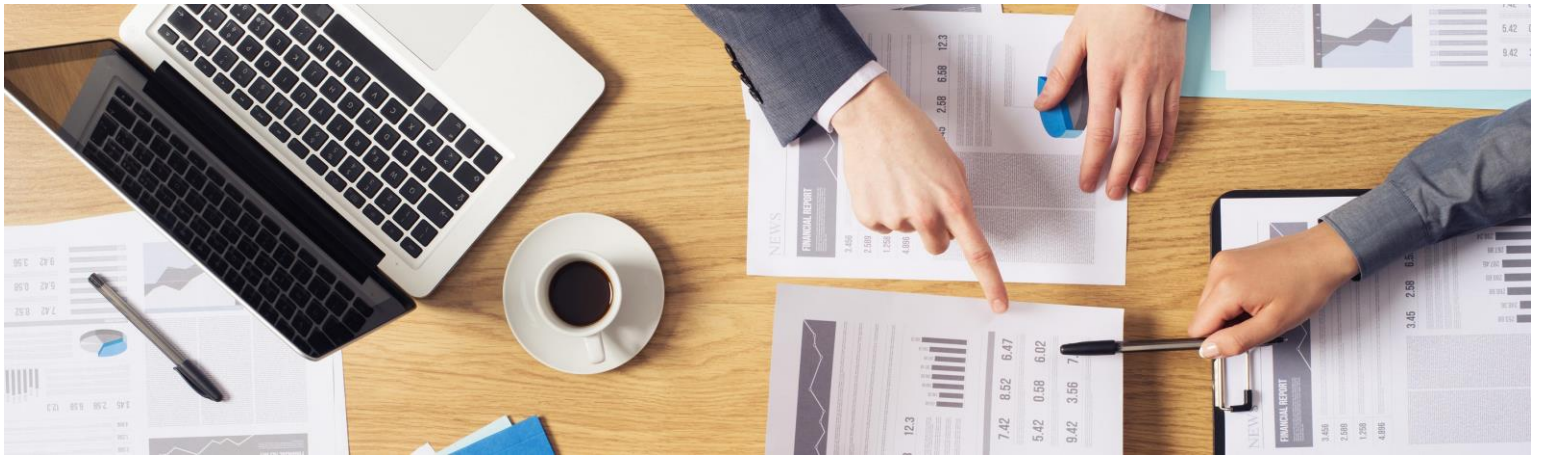


Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

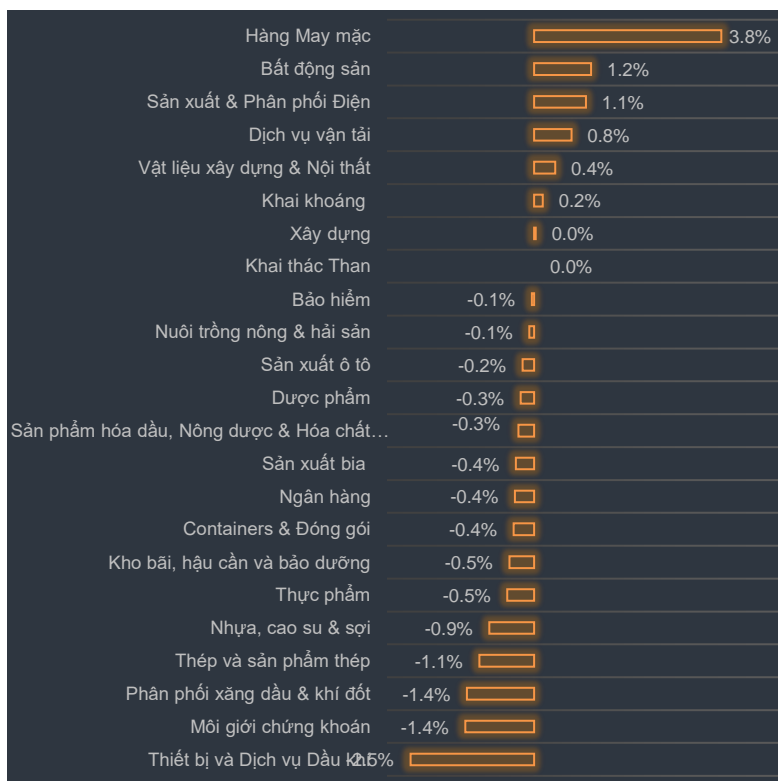
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VCB	HOSE	103	1,268,500	22.2	4.1	1,120,400	1,252,000	382,014	23.74	4,630	25,200
VIB	HOSE	34.2	646,900	7.6	2.6	282,900	-	37,886	20.23	4,490	13,340
TPB	HOSE	27.7	2,745,500	6.4	1.5	-	-	28,577	30.00	4,350	18,280
VPB	HOSE	36.5	4,065,000	8.8	1.8	2,200	1,200	89,598	22.77	4,150	20,260
HDB	HOSE	26.1	2,937,200	7.5	1.4	1,853,300	1,699,500	41,597	17.40	3,490	19,140
TCB	HOSE	36.3	12,347,400	11.4	1.9	3,000	-	127,228	22.49	3,180	19,620
ACB	HNX	28.7	5,438,100	9.3	1.9	-	-	61,929	30.00	3,090	15,230
MBB	HOSE	25.6	12,400,500	8.6	1.4	641,800	347,400	71,648	23.00	2,990	18,140
CTG	HOSE	37.6	11,333,200	12.7	1.7	789,700	3,253,500	140,000	28.71	2,950	22,230
BID	HOSE	45.3	2,211,800	21.3	2.3	99,600	945,000	181,996	17.38	2,130	19,450
LPB	UPCOM	14.4	15,290,300	8.4	1.0	1,815,800	335,300	15,421	3.57	1,720	14,090
SHB	HNX	17.4	22,669,983	11.2	1.3	67,100	1,730,000	30,543	6.75	1,550	13,600
ABB	HOSE	13.5	768,123	9.0	0.9	-	-	7,713	-	1,500	14,770
STB	HOSE	20	29,967,400	15.2	1.3	1,470,500	1,600,300	35,983	9.59	1,320	15,640
MSB	HOSE	18.6	6,146,500	14.5	1.4	2,000	-	19,985	30.00	1,280	13,750
BAB	HNX	21.4	2,300	26.4	1.8	-	-	15,162	-	810	11,570
EIB	HOSE	20.5	404,000	29.3	1.5	-	-	25,203	30.00	700	13,500
NVB	HNX	13.6	4,802,602	123.6	1.3	673,800	-	5,533	8.62	110	10,400
KLB	UPCOM	17.6	147,259		1.4	-	-	5,630	-		12,210
			135,592,567	19.63	1.71	8,822,100	11,164,200	1,312,484		2,469	16,338



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	PAS	UPCoM	23/02/2021	24/02/2021	24/03/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	PAS	UPCoM	23/02/2021	24/02/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
3	PGN	HNX	28/01/2021	29/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
4	DNH	UPCoM	28/01/2021	29/01/2021	22/02/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	DM7	UPCoM	28/01/2021	29/01/2021	09/02/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	SIV	UPCoM	27/01/2021	28/01/2021	05/02/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	VVS	UPCoM	26/01/2021	27/01/2021	02/02/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	CPW	UPCoM	26/01/2021	27/01/2021	05/02/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	VCS	HNX	26/01/2021	27/01/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10000:309	Thưởng cổ phiếu
10	GND	UPCoM	26/01/2021	27/01/2021	08/02/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	CAV	HOSE	25/01/2021	26/01/2021	05/02/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	DVP	HOSE	25/01/2021	26/01/2021	08/02/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	HDG	HOSE	25/01/2021	26/01/2021	10/03/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	DPM	HOSE	25/01/2021	26/01/2021	19/02/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	IBD	UPCoM	25/01/2021	26/01/2021	08/02/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	ABT	HOSE	22/01/2021	25/01/2021	08/02/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	HTC	HNX	21/01/2021	22/01/2021	05/02/2021	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	BST	HNX	21/01/2021	22/01/2021	05/02/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	CMV	HOSE	21/01/2021	22/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:50, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
20	CMV	HOSE	21/01/2021	22/01/2021	19/02/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	HIG	UPCoM	21/01/2021	22/01/2021	04/02/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	NSL	UPCoM	21/01/2021	22/01/2021	08/02/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 630 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	TN1	HOSE	21/01/2021	22/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:9, giá 28,500 đồng/CP	Phát hành thêm
24	TOW	UPCoM	21/01/2021	22/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:50, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
25	BCG	HOSE	21/01/2021	22/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
26	S4A	HOSE	21/01/2021	22/01/2021	03/02/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	TUG	UPCoM	21/01/2021	22/01/2021	08/02/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	DNW	UPCoM	20/01/2021	21/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 5:1, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm

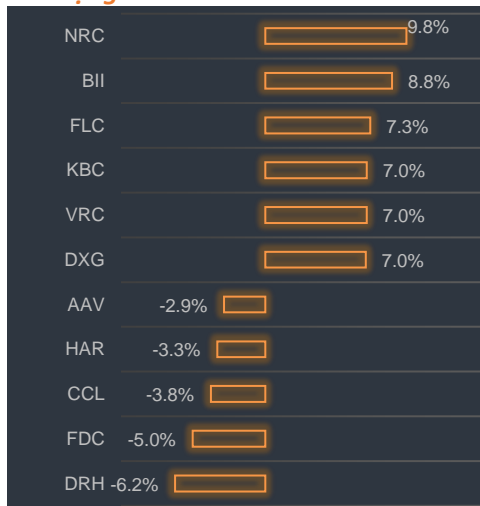
Tăng giảm ngành trong ngày



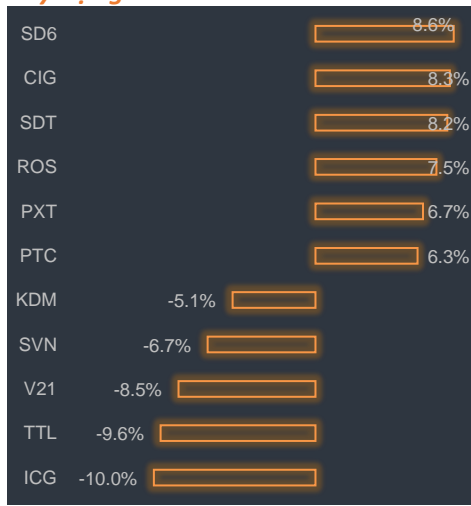
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	NRC, BII, FLC
Xây dựng:	SD6, CIG, SDT
Dầu khí:	PVG, TDG, ASP
Chứng khoán:	SBS, HBS, VIG
Ngân hàng:	EIB, CTG, LPB

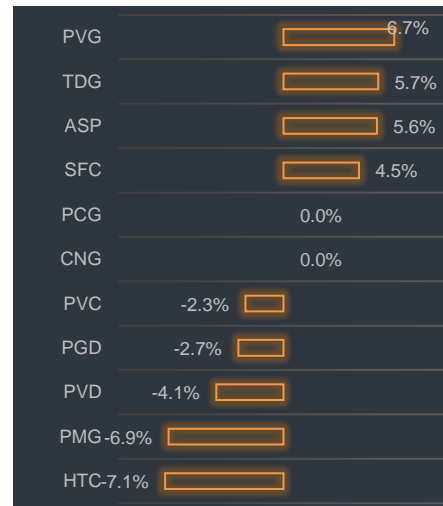
Bất động sản



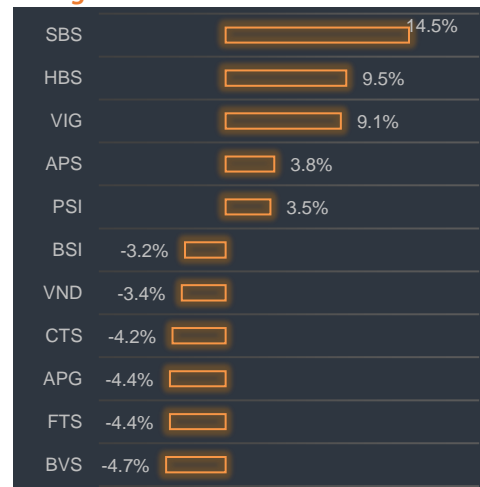
Xây dựng



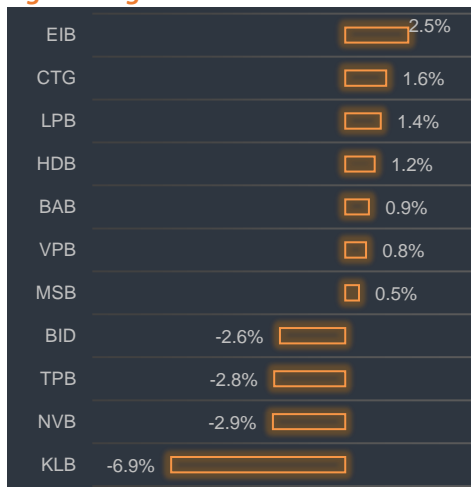
Dầu khí



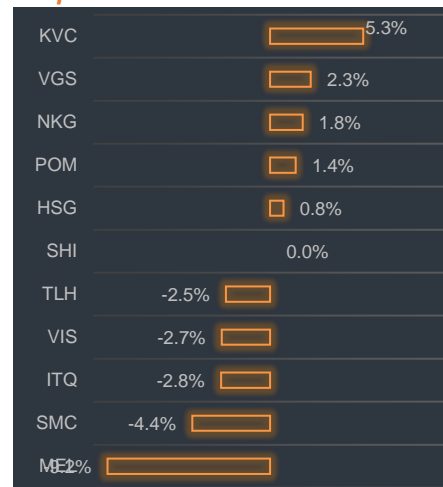
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931